

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

● HỒ QUANG DŨNG

## TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhân viên kế toán, sự hỗ trợ của chuyên gia bên ngoài, cơ cấu tổ chức, hệ thống kiểm soát nội bộ, văn hóa tổ chức và cam kết của nhà quản lý có tác động cùng chiều đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** hệ thống thông tin kế toán, chất lượng hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp niêm yết.

## 1. Đặt vấn đề

HTTTKT là nơi duy trì và tạo lập thông tin kế toán để các tổ chức phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, và chuẩn đoán các động thái của các hoạt động và tình hình tài chính (Anthony và cộng sự, 1994). Vì thế, nếu HTTTKT không chất lượng, sẽ không có thông tin chất lượng (Sacer và cộng sự, 2006).

Ngày nay, HTTTKT trong các doanh nghiệp ở

Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng đã đóng một vai trò hết sức hữu ích và quan trọng, không chỉ dừng lại ở việc ra quyết định, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, điều hành và kiểm soát, mà còn đóng vai trò trong phân tích, dự báo và phòng ngừa rủi ro. Nhiều quyết định được dựa trên thông tin thu được từ HTTTKT và chúng được sử dụng làm tiền

đề cho các quyết định phân bổ nguồn vốn sao cho hiệu quả, một cách hợp lý đem lại lợi ích hài hòa lớn nhất cho các cổ đông, các nhà đầu tư bên trong cũng như bên ngoài và vai trò của báo cáo tài chính là kênh chuyển thông tin hiệu quả cho người bên ngoài cũng như bên trong tổ chức một cách đáng tin cậy và kịp thời (Noravesh, H., 2009). Do đó, việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng của hệ thống thông tin kế toán là vấn đề cần thiết để tìm ra công cụ kiểm soát tốt nhất nhằm làm giảm rủi ro, gia tăng độ tin cậy của thông tin hơn.

## 2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình đề xuất

Theo Susanto (2013), một HTTTKT là một hệ thống tích hợp với nhiều thành phần như phần cứng, phần mềm, thủ tục, cơ sở dữ liệu và hệ thống giao tiếp kết nối mạng. HTTTKT được tạo ra để thu thập dữ liệu và xử lý chúng thành những thông tin có hữu ích và đáng tin cậy cho những người sử dụng thông tin về kế toán tài chính.

Sacer & Oluic (2013) đã lập luận: vấn đề chính để phát triển một HTTTKT có hiệu quả là sản xuất ra các kênh thông tin có hữu ích cho việc đáp ứng các quyết định sản xuất kinh doanh.

Chất lượng HTTTKT được trình bày và thể hiện thông qua đo lường những khả năng của nó về việc thiết lập và tạo ra đầu ra nhằm mục tiêu đáp ứng các yêu cầu cần thiết cung cấp thông tin cho các nhà quản trị để có những quyết định phù hợp (Post & Anderson, 2003). Chất lượng TTKT còn dựa vào tính hữu hiệu của thông tin đối với những nhà sử dụng BCTC như là công cụ và quan điểm về mối quan tâm của họ (Penman, 2012). Cũng theo Baltzan (2012), một HTTTKT có chất lượng tối ưu được tích hợp thông tin có những đặc tính, thuộc tính như chính xác, đầy đủ, nhất quán, so sánh và luôn luôn sẵn sàng đúng lúc.

Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

#### (i) - Hệ thống kiểm soát nội bộ:

Một hệ thống kiểm soát nội bộ chất lượng hiệu

quả tác động một cách đáng kể đến sự thất bại hay thành công trong mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tạo điều kiện giúp AIS tạo ra kênh thông tin có ích với sự phụ thuộc lớn hơn cho các đối tượng là người sử dụng (Neogy, 2014).

Mục đích chủ yếu của việc thiết kế KSNB là giám sát luôn luôn duy trì chất lượng của thông tin tránh khỏi những lỗi ở các khâu hoạt động như đầu vào, thu thập xử lý dữ liệu, đầu ra (O'Brien & Marakas, 2010). KSNB còn có chức năng không khác gì giống như một phương thức chắc chắn bảo đảm rằng mọi giao dịch đã được ghi chép lại một cách đầy đủ chính xác, rõ ràng và đặc biệt là không còn có những sai sót mang tính trọng yếu tại những tài khoản luôn luôn chính xác ở những kỳ kế toán phù hợp với mục tiêu là để lập BCTC trên cơ sở phải tuân thủ các nguyên tắc của kế toán và pháp lý chuẩn mực có liên quan (Millchamp & Taylor, 2008).

Giả thiết H1: Hệ thống kiểm soát nội bộ tác động cùng chiều đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### (ii) - Văn hóa tổ chức:

Leidner & Kayworth (2006) khẳng định: văn hóa tổ chức là thành phần quan trọng của HTTTKT. Văn hóa được định nghĩa là các chuẩn mực, giá trị và niềm tin kiểm soát hành vi của các cá nhân trong một nhóm.

Theo George và Jones (2012), văn hóa là một tập hợp chuỗi các giá trị, giả định, chuẩn mực và niềm tin chung chi phối sự tương tác của các nhân viên với nhau trong một khối tổ chức hoặc với những người bên ngoài tổ chức như nhà phân phối, khách hàng và những người khác. Văn hóa còn có nhiệm vụ chức năng như một cơ chế để hợp nhất các hoạt động của các cá nhân trong một tổ chức đến từ nhiều nền tảng khác nhau (Kreitner & Kinichi, 2003).

Các nhà quản lý nên tạo ra một nền văn hóa doanh nghiệp phù hợp với các đặc điểm của HTTTKT được triển khai.

Giả thiết H2: Văn hóa tổ chức tác động cùng chiều đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

*(iii) - Cơ cấu tổ chức*

Theo Turban et al (2003), cơ cấu tổ chức là một nhân tố chính cần được xem xét đánh giá về việc phát triển HTTTKT. Cơ cấu được định nghĩa chính thức là một sự sắp xếp của các phòng ban trong một tổ chức.

Theo Rapina (2014), mối quan hệ mạnh mẽ giữa HTTTKT với cơ cấu tổ chức cũng thể hiện khi các nhà quản lý thực hiện phát triển hoặc thay đổi cơ cấu tổ chức, có nghĩa rằng lúc này họ đang tham gia vào thiết kế tổ chức, một quá trình liên quan đến các yếu tố chính như: chuyên môn hóa công việc, chuyên môn hóa phòng ban, hệ thống phân quyền, hệ thống kiểm soát, tổ chức đơn vị theo hình thức tập trung và phân tán. Cơ cấu tổ chức theo hình thức tập trung sẽ giúp đơn vị kiểm soát chất lượng HTTTKT tốt hơn. Các tổ chức lớn có các bộ phận ở những vị trí khác nhau lúc này rất khó tập trung dữ liệu, do đó muốn dữ liệu đạt chất lượng hay HTTTKT chất lượng hơn thì đơn vị đó cần có phương pháp kiểm soát chất lượng HTTTKT phù hợp với cơ cấu tổ chức của đơn vị mình.

Giả thiết H3: Cơ cấu tổ chức tác động cùng chiều đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

*(iv) - Sự hỗ trợ của chuyên gia bên ngoài*

Theo Thong (1995), một yếu tố quan trọng góp phần vào hiệu quả của việc triển khai AIS ở các doanh nghiệp là sự tham gia của các chuyên gia HTTTKT bên ngoài bao gồm các nhà cung cấp và tư vấn. Ngoài ra các công ty kế toán là một nguồn tư vấn thay thế nhưng không kém phần quan trọng về việc áp dụng HTTTKT cho các doanh nghiệp. Kế toán viên, nghề kế toán, hiệp hội nghề nghiệp và các chuyên gia đào tạo HTTTKT đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích các doanh nghiệp tin học hóa hệ thống kế toán của họ. Lời khuyên được đưa ra bởi các chuyên gia bên ngoài

này cho phép các doanh nghiệp có được tầm nhìn rộng hơn về cả nhu cầu thông tin và khả năng xử lý thông tin của họ.

Giả thiết H4: Sự hỗ trợ của chuyên gia bên ngoài tác động cùng chiều đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

*(v) - Nhân viên kế toán*

Theo Dehghanzadeh, H., & Rezaei, G. (2020), đối tượng trực tiếp tham gia vào việc vận hành HTTTKT chính là nhân viên kế toán, họ chịu trách nhiệm trong việc thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin, để có thể thực hiện tốt các công việc, các nhân viên kế toán phải có kiến thức chuyên môn và kỹ năng công việc. Khi nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn cao sẽ giúp giảm thiểu được các sai sót trong việc ghi chép và xử lý thông tin kế toán, cũng như giúp cho HTTTKT vận hành một cách suôn sẻ hơn, chất lượng hơn. Ngoài ra, kinh nghiệm làm việc của nhân viên kế toán cũng ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng của HTTTKT.

Giả thiết H5: Nhân viên kế toán tác động cùng chiều đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

*(vi) - Cam kết quản lý*

Theo Fitriati A, Mulyani S (2015), cam kết của nhà quản lý là việc tham gia và hỗ trợ người khác đạt mục tiêu. Cam kết của các nhà quản lý là một hình thức tham gia vào HTTTKT trong việc cho ra các thông tin kế toán, để liên kết sử dụng thông tin kế toán trong việc đạt mục tiêu và chiến lược của tổ chức. Điều quan trọng trong cam kết nhà quản lý với chất lượng HTTTKT là các nhà quản lý có thẩm quyền bố trí, sắp xếp nguồn lực cho việc tạo ra các thông tin kế toán chất lượng. Do các nhà quản lý là người hiểu nhất về hoạt động của đơn vị và hiểu việc cần thiết trong việc kết nối HTTTKT với chiến lược, mục tiêu hoạt động của đơn vị mình, cũng như việc thực hiện HTTTKT đòi hỏi phải đầu tư lớn và có ảnh hưởng trên toàn đơn vị, nên cần phải có sự xét duyệt, đồng ý và hỗ trợ của ban quản lý.



Giả thiết H6: Cam kết quản lý tác động cùng chiều đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu**

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp hỗn hợp. Bao gồm phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng, được tiến hành như sau: Phương pháp nghiên cứu định tính giúp tác giả khái quát hóa các nghiên cứu trước và hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, đồng thời đề xuất mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam; thông qua thảo luận chuyên gia để xây dựng được mô hình, thang đo nghiên cứu chính thức từ đó đề xuất bảng câu hỏi khảo sát chính thức để thực hiện nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu định lượng giúp tác giả kiểm định các nhân tố đã được tổng hợp, nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp

$$HTTTKT = \beta_0 + \beta_1HTKSNB + \beta_2VHTC + \beta_3CCTC + \beta_4HTCG + \beta_5NVKT + \beta_6CKQL + \varepsilon$$

Trong đó:

HTTTKT: Biến phụ thuộc (Chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

Các biến độc lập:

+ HTKSNB: Hệ thống kiểm soát nội bộ

+ VHTC: Văn hóa tổ chức

+ CCTC: Cơ cấu tổ chức

+ HTCG: Sự hỗ trợ của chuyên gia bên ngoài

+ NVKT: Nhân viên kế toán

+ CKQL: Cam kết của nhà quản lý

+  $\beta_0, \beta_1, \dots, \beta_7$ : Các tham số của mô hình

+  $\varepsilon$ : hệ số nhiễu.

**3. Kết quả nghiên cứu**

Sau khi kiểm định độ tin cậy của các thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Tác giả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như Bảng 1.

**Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi qui tuyến tính đa biến**

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R <sup>2</sup>	Hệ số R <sup>2</sup> - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	,729a	,531	,517	,15040

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua việc nâng cao chất lượng HTTTKT nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh tại các doanh nghiệp này.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên. Theo Tabachnick & Fidell (2007), khi dùng hồi quy bội, kích thước mẫu n nên được tính bằng công thức sau:  $n \geq 50 + 8p$  (p: số lượng biến độc lập), số mẫu được chọn trong bài nghiên cứu là 196 mẫu là phù hợp.

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKT tại các các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

Bảng 1 cho thấy, giá trị hệ số R<sup>2</sup> = 0,531 > 0,5, do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc là Chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các biến độc lập là nhân viên kế toán, sự hỗ trợ của chuyên gia bên ngoài, cơ cấu tổ chức, hệ thống kiểm soát nội bộ, văn hóa tổ chức và cam kết của nhà quản lý. Ngoài ra, giá trị hệ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh là 0,517, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 51,7%.

Căn cứ vào Bảng 2, phương trình hồi qui tuyến tính bội về sự tác động của các nhân tố đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên

Bảng 2. Bảng kết quả các trọng số hồi quy

Coefficients <sup>a</sup>								
Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	tstat	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	Beta	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF	
1	(Constant)	1,280	,193		6,634	,000		
	HTKSNB	,116	,029	,227	4,027	,000	,754	1,327
	VHTC	,093	,024	,219	3,930	,000	,772	1,295
	CCTC	,081	,018	,231	4,598	,000	,954	1,048
	HTCG	,088	,018	,245	4,802	,000	,923	1,084
	NVKT	,229	,046	,312	4,954	,000	,607	1,647
	CKQL	,076	,019	,205	4,080	,000	,953	1,050

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

thị trường chứng khoán Việt Nam với các hệ số beta chuẩn hóa như sau:

$$\begin{aligned} \text{HTTTKT} = & 0,227\text{HTKSNB} + 0,219\text{VHTC} \\ & + 0,231\text{CCTC} + 0,245\text{HTCG} \\ & + 0,312\text{NVKT} + 0,205\text{CKQL} \end{aligned}$$

Kết luận: Mục đích của nghiên cứu này là xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mức độ tác động theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: nhân viên kế toán, sự hỗ trợ của chuyên gia bên ngoài, cơ cấu tổ chức, hệ thống kiểm soát nội bộ, văn hóa tổ chức và cam kết của nhà quản lý.

#### 4. Kiến nghị

Tác giả đề xuất một số các kiến nghị về việc nâng cao chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

- Các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam cần chọn lựa và vận dụng

một khuôn mẫu lý thuyết phù hợp trong phạm vi cho phép của đơn vị. Mở rộng mục tiêu hoạt động và báo cáo, xây dựng các nguyên tắc quy trình hỗ trợ cho việc kiểm soát nội bộ hữu hiệu. Cần thiết lập các hoạt động kiểm soát hữu hiệu trong môi trường công nghệ thông tin. Các doanh nghiệp cần chú ý quan tâm đến 2 loại kiểm soát cơ bản trong môi trường CNTT, đó là kiểm soát chung (gồm các thủ tục liên quan đến việc phát triển chương trình và cơ sở hạ tầng, công nghệ, quản lý lưu trữ dữ liệu và hoạt động của máy tính, đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho hệ thống) và kiểm soát ứng dụng (gồm các hoạt động kiểm soát gắn liền với từng khâu ứng dụng xử lý cụ thể từ khâu thu thập dữ liệu nghiệp vụ kinh tế phát sinh đầu vào, hoạt động xử lý, lưu trữ bảo quản dữ liệu cho đến việc cung cấp thông tin đầu ra).

- Các nhà quản lý ở các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trước hết cần phải xác định được nhu cầu thông tin kế toán trong quá trình quản lý đơn vị của mình, các thông tin này phải đáp ứng được mục tiêu, chiến lược của đơn vị. Cần nâng cao nhận thức và quan điểm đúng đắn của ban giám đốc về kiểm soát hệ thống thông tin

kế toán, đặc biệt là trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong HTTTKT. Nhà quản lý cần tham gia tích cực vào việc lựa chọn phần mềm, phần cứng cho thực hiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị. Nhà quản lý phải thường xuyên lập kế hoạch triển khai HTTTKT trong tương lai khi có những bất cập về thông tin như thông tin không chính xác, không kịp thời và thông tin không được bảo mật, không phù hợp nhu cầu quản lý,... Để hạn chế những yếu kém, HTTTKT cần được cập nhật liên tục.

-Các doanh nghiệp cần xây dựng bộ quy tắc ứng xử tại đơn vị, nâng cao sự hợp tác của các thành viên trong quy trình thực hiện hệ thống; tạo điều kiện để các nhân viên sẵn sàng chia sẻ công việc của mình cho các nhân viên khác; và tạo điều kiện tốt cho nhân viên giao tiếp trong quá trình sử dụng hệ thống.

-Các doanh nghiệp cần phải chủ động cải tổ, tái cơ cấu lại tổ chức, sắp xếp lại các bộ phận, áp dụng những quy trình, công nghệ mới, có như vậy mới nâng cao chất lượng hoạt động và làm gia tăng lợi ích chung của đơn vị và nâng cao chất lượng AIS nói riêng. Các đơn vị cũng cần rà soát lại cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp nói chung và đặc biệt là các phòng ban, phân xưởng nói riêng, giải quyết tình trạng kiêm nhiệm, cũng như thực hiện công tác phân cấp quản lý sao cho phù hợp và hữu ích. Đồng thời, cần chú trọng nâng cao chất lượng của nhân viên kế toán thông qua việc tuyển dụng, bổ nhiệm kế toán trưởng và kế toán viên, sao cho người được tuyển dụng phải hội tụ đầy đủ các tiêu chuẩn cần thiết cho yêu cầu, vị trí công việc được tuyển dụng, đề bạt. Công tác tổ chức tuyển dụng phải công khai, minh bạch và theo đúng quy trình tuyển dụng ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Al-Ibbini, O. A. M. (2017). The Critical Success Factors Influencing the Quality of Accounting Information Systems and the Expected Performance. *International Journal of Economics and Finance*, 9(12), 162.
2. Anthony, R. S., & J. S. & Herrenstein, J. H. (1994). *Accounting Text and Cases*. Irwin/McGraw-Hill.
3. Dehghanzadeh, H., & Rezaei, G. (2020). The Effects of the New Treasury Accounting System on the Qualitative Characteristics of Financial Information. *Journal of Governmental Accounting and Auditing*, 6(1), 47-60.
4. DeLone, W. H., & McLean, E. R. (2003). The DeLone and McLean model of information systems success: a ten-year update. *Journal of management information systems*, 19(4), 9-30.
5. Fitriati A, Mulyani S. (2015). Factors That Affect Accounting Information System Success and its Implication on Accounting Information Quality. *Asian Journal of Information and Technology*, 14 (5), 154-161.
6. Rapina. (2014) Factors Influencing the Quality of Accounting Information System And Its Implications On The Quality Of Accounting Information. *Research Journal of finance and Accouting*. Vol 5, No 2
7. Robbins S.P & Coulter, M. (2007). *Management. 9th Edition*. New York: Pearson Education International.
8. Romney, M., Steinbart, P., Mula, J., McNamara, R., & Tonkin, T. (2012). *Accounting Information Systems Australasian Edition*. Australia: Pearson Higher Education Australia.
9. Sacer, I. M., & Oluic, A. (2013). Information Technology and Accounting Information Systems Quality in Croatian Middle and Large Company. *Journal of Information and Organisational Sciences*, 37(2), 117-126.



10. Shagari, S. L., Abdullah, A., & Mat Saat, R. (2017). A proposed model on the impact of internal control quality on accounting information system effectiveness in Nigeria. *Social and Management Research Journal*, 15(2), 79-169.
11. Thong, J. Y., & Yap, C. S. (1995). CEO characteristics, organizational characteristics and information technology adoption in small businesses. *Omega*, 23(4), 429-442.

**Ngày nhận bài: 1/4/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/5/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 11/5/2022**

*Thông tin tác giả:*

**HỒ QUANG DŨNG**

**Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn thuế và Kế toán ACB**

**FACTORS AFFECTING THE QUALITY  
OF ACCOUNTING INFORMATION SYSTEMS OF LISTED  
COMPANIES IN VIETNAM'S STOCK MARKET**

● **HO QUANG DUNG**

Director, ACB Tax and Accounting Consulting Co., Ltd

**ABSTRACT:**

This study is to determine and measure the impact of factors on the quality of accounting information systems of listed companies in Vietnam's stock market. The study's results show that these following factors including the accountant, the support of external experts, the organizational structure, the internal control system, the organizational culture, and the commitment of managers all have positive impacts on the quality of accounting information system of listed companies in Vietnam's stock market. Based on these results, some solutions are proposed to improve the quality of accounting information system of listed companies in Vietnam's stock market in order to improve their competitiveness.

**Keywords:** accounting information system, quality of accounting information system, listed companies.